

Name:

Vocabulary + Grammar:

Class: S3...

Reading:

Tel: 034 200 9294

Mini Test:



Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày..../....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày..../....

GLOBAL ENGLISH 3

Unit 4 - Look again! - Vocabulary 2 & Flyers Speaking

A. Vocabulary

❖ Describe people

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	patient (adj)	kiên nhẫn	3	polite (adj)	lịch sự
2	impatient (adj)	không kiên nhẫn	4	impolite (adj)	không lịch sự

❖ Shapes

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	square (n)	hình vuông	4	circle (n)	hình tròn
2	triangle (n)	hình tam giác	5	rectangle (n)	hình chữ nhật
3	cube (n)	hình khối			

❖ Others

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	dominant (adj)	vượt trội, có ưu thế	3	optical illusion (n)	ảo ảnh quang học
2	impossible (adj)	không thể xảy ra được			

❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	manner (n)	cách cư xử	4	trick (n)	cú lừa
2	respect (v)	tôn trọng	5	melt (v)	tan chảy
3	noticeable (adj)	đáng chú ý			

* Note: *n* = noun: danh từ; *adj* = adjective: tính từ; *v* = verb: động từ.

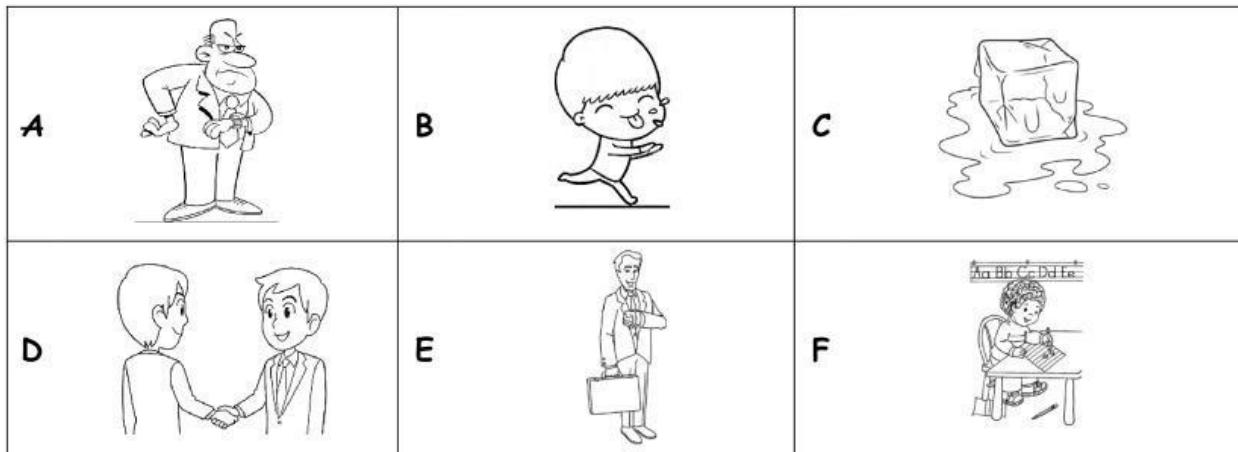
* Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **I DÒNG** vào vở ghi.

B. Homework

I. Match each word / phrase with the best description (Nối từ/cụm từ với mô tả chính xác)

0. <i>a camel</i>	•	• A. a shape like O
1. <i>optical illusion</i>	•	• B. has humps
2. <i>circle</i>	•	• C. showing good manners and respect
3. <i>impossible</i>	•	• D. stronger or more noticeable
4. <i>dominant</i>	•	• E. can't be done
5. <i>polite</i>	•	• F. something that tricks your eyes

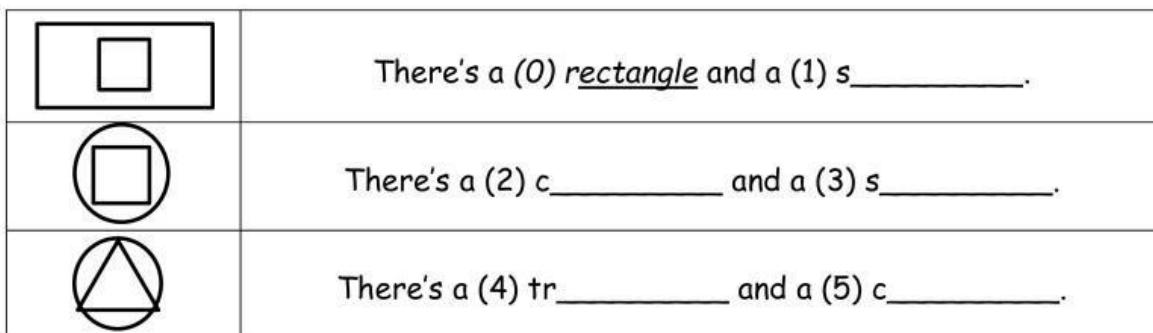
0. <u>B</u>	1. _____	2. _____	3. _____	4. _____	5. _____
-------------	----------	----------	----------	----------	----------

II. Look at the pictures and write the correct letter (Nhìn tranh và viết chữ cái tương ứng)

0. The man is impatient. **A** 3. Her dominant hand is left. _____

1. The two boys are polite. _____ 4. The ice cube is melting. _____

2. The little boy is impolite. _____ 5. The man is patient. _____

III. Look at the pictures and write down the shapes you see
(Nhìn tranh và viết tên các hình bạn nhìn thấy)**IV. Fill in the blanks with the given words** (Điền vào chỗ trống sử dụng từ vựng đã cho sẵn)

it	with	never	without	<i>always</i>	me
----	------	-------	---------	---------------	----

0. I always go to the gym on Mondays.

1. We watched a movie last night. Did you like _____?

2. They _____ play basketball on Saturdays. They always play on Sundays.

3. She went to the cinema _____ her friends.

4. They invited my friends to the party, but they didn't invite _____.

5. He never leaves the house _____ his phone. He needs it!

Part 2 - 5 Questions

Lily is talking to Ben about a birthday party. What does Ben say?

Read the conversation and choose the best answer. Write a letter (A-H) for each answer.

You do not need to use all the letters. There is one example.

Example:

Lily: Did you enjoy the birthday party yesterday?

Ben:C.....

Questions:

1. *Lily: Who did you go to the party with?*

Ben: _____

2. *Lily: How was the cake?*

Ben: _____

3. *Lily: Did you play any games?*

Ben: _____

4. *Lily: Did you see any friends from school?*

Ben: _____

5. *Lily: Are you going to the next party?*

Ben: _____

Answers:

- A. The cake was delicious.
- B. Yes, I played a lot of games!
- C. ~~Yes, it was so much fun!~~
- D. I went with my cousin.

- E. I saw a few friends from school there.
- F. Yes, I think I will go.
- G. No, the cake was too sweet for me.
- H. No, I didn't know anyone at the party.